

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2020

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Cẩm Hưng

2. Ông Trần Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02
năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Anh Vũ Đ* – sinh năm 1985

Trú tại: Thôn T, xã P, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên

2. *Bị đơn: Chị Trần Thị A* – sinh năm 1990

HKTT: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Đang ở tại: 79/22 Bùi QL, Phường 12, quận V, thành phố Hồ Chí Minh

(Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. *Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn G và bà Bùi Thị X (là bố mẹ đẻ Chị Trần Thị A) Đều trú
tại: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên

“đều vắng mặt không có lý do”

- Bà Đồng Thị H, sinh năm 1958 (là mẹ đẻ Anh Vũ Đ)

Trú tại: Thôn T, xã P, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên *“vắng mặt không có lý
do”*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Anh Vũ Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Trần Thị A được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2014 tại UBND xã P, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng anh chị không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, một phần vì vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con, một phần vì chị A nghi ngờ anh có người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, lâu dần mâu thuẫn ngày càng tích tụ nhiều mà không giải quyết được, gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được vì bản thân giữa hai vợ chồng đã không còn tiếng nói chung. Năm 2018 chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân, từ khi ly thân đến nay vợ chồng gặp nhau được một lần để nói về chuyện ly hôn. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, ly hôn là cách để giải thoát cho cả hai nên anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với Chị Trần Thị A để cả hai ổn định cuộc sống riêng.

Chị Trần Thị A có lời khai thống nhất với anh Đ về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân. Tuy nhiên, theo chị A thì vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ có sự thay đổi tình cảm với chị, lạnh nhạt dần với chị, anh có hành vi ngoại tình, không chăm lo đến kinh tế và cuộc sống gia đình, bỏ bê công việc nhưng vì chị không muốn làm lớn chuyện nên chị không đề nghị Chính quyền địa phương và đoàn thể can thiệp và để mọi việc trôi qua. Tất cả mâu thuẫn đó dồn nén lại là lý do khiến vợ chồng sút mẻ tình cảm dẫn đến khoảng cách giữa hai vợ chồng ngày một lớn hơn và không hàn gắn được nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tháo gỡ được nên chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Đ và chị A đều xác định vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Đồng Thị H là mẹ đẻ của anh Đ, ông Trần Văn G, bà Bùi Thị X là bố mẹ đẻ chị A đều trình bày: Anh Đ và chị A được tự do tìm hiểu, kết hôn theo quy định pháp luật. thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có con, vợ chồng sống ly thân từ

tháng 11/2018, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị được hai bên gia đình thông gia có ngồi khuyên nhủ vợ chồng anh Đ, chị A đoàn tụ nhưng chị A vẫn cương quyết không chung sống cùng nhau nữa.

Đến nay anh Đ có đơn xin ly hôn với chị A tại Tòa án:

Quan điểm của bà Hòa là ly hôn hay không là tùy thuộc vợ chồng anh Đ chị A quyết định.

Ông G, bà X có quan điểm nhất trí để vợ chồng anh Đ, chị A ly hôn.

Xác minh tại UBND xã P, thành phố Y cung cấp: Anh Đ và chị A có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P, thành phố Y, về tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị A, UBND xã được biết là quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng kết hôn được một thời gian dài mà không có con giữa hai vợ chồng có sự nghi kỵ lẫn nhau, không tin tưởng nhau. Vợ chồng hiện đã ly thân. Nay Anh Vũ Đ có đơn xin ly hôn với Chị Trần Thị A thì quan điểm của UBND xã là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A có đơn xin giải quyết vắng mặt ở các giai đoạn tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh Vũ Đ và Chị Trần Thị A đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Nguyên, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, các thủ tục tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về tình cảm: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị A. Về con chung: Anh chị không có con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Đ khởi kiện xin ly hôn Chị Trần Thị A có nơi cư trú tại xã S, huyện T, tỉnh Hưng Yên; sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án chị A đã đi làm ăn và ở tại địa chỉ: 79/22 Bùi QL,

Phường 12, quận V, thành phố Hồ Chí Minh nhưng chị A đã có đơn lựa chọn Tòa án đề ngày 20/5/2020 đồng ý được giải quyết ly hôn với anh Đ tại Tòa án nhân dân huyện T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh Đ, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đ và Chị Trần Thị A được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2014 tại UBND xã P, thành phố Y, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng anh chị không hợp nhau thường xuyên cãi vã, một phần vì vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con chung, một phần vì chị A nghi ngờ anh Đ có người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, lâu dần mâu thuẫn ngày càng tích tụ nhiều mà không giải quyết được, gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được vì bản thân giữa hai vợ chồng đã không còn tiếng nói chung. Năm 2018 chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai.

Cả anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không đoàn tụ được. Nên HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, xử cho anh Đ được xin ly hôn chị A.

[3]. Về con chung: Anh chị không có con chung nên HĐXX không xem xét

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Vũ Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; NQ số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho Anh Vũ Đ được ly hôn Chị Trần Thị A.

2. Về nuôi con chung: Không có con chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000538 ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P (CNKH số 20/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc